

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo
ngành Hộ sinh trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHYHN ngày 05/02/2021 của Trường ĐHYHN ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Biên bản số 12/BB-HĐKHĐT ngày 17/1/2024 của Hội đồng khoa học đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội thẩm định chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trường phòng QLĐTĐH, Trường Viện/Khoa/Bộ môn, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu VT, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tú

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 187 /QĐ-ĐHYHN ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Trường Đại học Y Hà Nội)

- Tên ngành đào tạo: Hộ sinh
- Tên ngành tiếng Anh: Midwifery
- Mã số: 7720302
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Hộ sinh có phẩm chất chính trị tốt, có ý đức, có kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành hộ sinh an toàn và hiệu quả theo “Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Hộ sinh Việt Nam”¹ ở trình độ đại học. Có năng lực về nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ. Có khả năng làm việc độc lập, phối hợp trong làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả để đạt được mục tiêu chăm sóc tốt nhất. Có trách nhiệm với công việc, ý thức phát triển nghề nghiệp qua cam kết nâng cao năng lực bản thân, học tập liên tục và suốt đời để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng những kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật làm cơ sở đào tạo chuyên ngành Hộ sinh.

¹ Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Hộ sinh Việt Nam được phê duyệt theo Quyết định số 3473/QĐ-BYT ngày 28/12/2022 của Bộ Y tế.

- Có kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, y học cơ sở, đạo đức y học và kiến thức chuyên ngành để có thể ứng dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Có kiến thức về nghiên cứu khoa học và quản lý nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc trong thực hành nghề nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Có khả năng tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa phù hợp với phạm vi chuyên môn, hướng dẫn quốc gia, đạo đức nghề nghiệp và bối cảnh văn hóa - xã hội.

- Có năng lực nghiên cứu khoa học, khám phá kiến thức và thực hành chăm sóc sức khỏe đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng.

- Giao tiếp hiệu quả, có kỹ năng ra quyết định, làm việc nhóm và làm việc độc lập trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Có các kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin, kỹ năng quản lý trong thực hành nghề nghiệp.

- Có năng lực ngoại ngữ để phục vụ trong giao tiếp, hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

1.2.3. Thái độ:

- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với các quyết định lâm sàng cũng như những kết quả liên quan trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp thực hành, học tập liên tục và suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc 6 trình độ đại học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân Hộ sinh Việt Nam theo qui định của Bộ Y tế (QĐ

3473/QĐ-BYT ngày 28/12/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Hộ sinh Việt Nam).

2.1. Kiến thức

PLO1: Áp dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Các chính sách, pháp luật vào thực hành Hộ sinh.

PLO2: Tích lũy được những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nói chung và chăm sóc sức khỏe sinh sản nói riêng qua các học phần giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành để thực hành nghề nghiệp và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO3: Vận dụng được những kiến thức về phương pháp luận khoa học và quản lý ngành để nâng cao chất lượng chăm sóc trong thực hành nghề nghiệp.

2.2. Kỹ năng

PLO4: Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ đảm bảo an toàn, hiệu quả, liên tục.

PLO5: Xây dựng được chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, nâng cao sức khỏe gia đình, hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình.

PLO6: Nhận ra các vấn đề sức khỏe và yếu tố nguy cơ, đưa ra quyết định chăm sóc dựa trên nhận định, phân tích, tổng hợp về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Báo cáo kịp thời những diễn biến bất thường cho bác sĩ điều trị hoặc người phụ trách.

PLO7: Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, thực hành chuyên môn dựa trên bằng chứng để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

PLO8: Vận dụng các kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp và cộng đồng. Thích nghi với môi trường làm việc thực tế đa dạng, luôn thay đổi và nhiều thử thách.

PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin hiệu quả trong các hoạt động hành chính chuyên môn, quản lý và chăm sóc người bệnh.

PLO10: Vận dụng tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản, hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm với các quyết định lâm sàng trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn nghề nghiệp, quy định pháp luật và đạo đức y học.

PLO12: Tự đánh giá và chủ động tiếp thu các nguồn thông tin phản hồi về công việc của bản thân để xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập chuyên môn.

3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Hộ sinh, người học có khả năng làm việc tại các cơ quan/đơn vị sau:

- Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập: các bệnh viện chuyên khoa phụ sản, khoa phụ sản tại các bệnh viện.
- Các trung tâm kế hoạch hóa gia đình, trung tâm bảo vệ bà mẹ trẻ em.
- Các nhà hộ sinh, phòng khám chuyên khoa phụ sản, các cơ sở chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ em, dịch vụ chăm sóc sức khỏe mẹ và bé sau sinh tại nhà.
- Hệ thống y tế cơ sở: trạm y tế, y tế thôn bản, trung tâm y tế huyện...
- Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe.
- Các trung tâm nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ liên quan tới chuyên ngành hộ sinh, chăm sóc sức khỏe.

Được tuyển dụng và bổ nhiệm tại cơ sở y tế công lập đúng chuyên ngành đào tạo theo chức danh nghề nghiệp hộ sinh theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, sửa đổi bổ sung theo Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

Chúng chỉ hành nghề được cấp theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư

41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ

Học Sau đại học đối với chuyên ngành có chuẩn đầu vào phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình này, đồng thời đáp ứng với các điều kiện tuyển sinh và quy định tại thời điểm tuyển sinh: Thạc sĩ Hộ sinh, Tiến sĩ Hộ sinh, chuyên khoa hộ sinh trình độ sau đại học hoặc các chuyên ngành khác thuộc khối ngành khoa học sức khỏe; chuyên ngành khác phù hợp với điều kiện tuyển sinh.

5. Các chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

5.1. Các văn bản tài liệu vận dụng

Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Luật khám chữa bệnh.

Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quyết định 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của Giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025.

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, sửa đổi bổ sung theo Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định số 3473/QĐ-BYT ngày 28/12/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân hộ sinh”.

Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn “Kỹ năng cơ bản của người đỡ đẻ”.

Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn “Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”.

Công văn 769/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 20/4/2018 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, được thay thế theo công văn số 1669/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2019..

Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Công văn số 2435/BGDĐT – GDĐH ngày 14/4/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra và biên soạn giáo trình;

Quyết định 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

5.2. Chuẩn đầu ra ngành Hộ sinh tham khảo trong nước

5.2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học ngành Hộ sinh - Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2020).

https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/DaoTaoDaiHoc/ChuongTrinhDaoTao/4287_OD20_ChuanDauRa_DHCO_HoSinh_12112020_web.pdf

5.2.2. Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học ngành Hộ Sinh – Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2022).

https://ndun.edu.vn/img/trungtamkhaothidambaochatluong/files/175-QD-DDN_ban_hanh_Chuan_dau_ra_cac_chuong_trinh_dao_tao_cua_Truong_Dai_hoc_Dieu_duong_Nam_Dinh.pdf

5.2.3. Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học ngành Hộ Sinh – Trường Đại học Y dược, Đại học Huế (2020).

https://huemed-univ.edu.vn/uploads/Daotao/Chuandaura/Q%C4%90%20+%20BB%20+%20C%C4%90R%20ng%C3%A0nh%20H%E1%BB%99%20sinh_8.pdf

5.2.4. Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học ngành Hộ sinh - Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên (2021).

<https://www.huemed-univ.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/ho-sinh-106#chuandaura>

5.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Hộ sinh tham khảo nước ngoài

5.3.1. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Hộ sinh của Trường Đại học Cardiff

<https://www.cardiff.ac.uk/study/undergraduate/courses/course/midwifery-bmid>

5.3.2. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Hộ sinh của Trường Đại học Southern Cross

<https://www.scu.edu.au/study/courses/bachelor-of-midwifery-3007229/>

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Tú

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 187 /QĐ-ĐHYHN ngày 24 tháng 01 năm 2024 của
Trường Đại học Y Hà Nội)

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Tên ngành đào tạo: | Hộ sinh |
| - Tên ngành tiếng Anh: | Midwifery |
| - Mã số: | 7720302 |
| - Trình độ đào tạo: | Đại học |
| - Hình thức đào tạo: | Đào tạo chính quy |
| - Thời gian đào tạo: | 04 năm |

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Hộ sinh có phẩm chất chính trị tốt, có ý thức, có kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành hộ sinh an toàn và hiệu quả theo “Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Hộ sinh Việt Nam” ở trình độ đại học. Có năng lực về nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ. Có khả năng làm việc độc lập, phối hợp trong làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả để đạt được mục tiêu chăm sóc tốt nhất. Có trách nhiệm với công việc, ý thức phát triển nghề nghiệp qua cam kết nâng cao năng lực bản thân, học tập liên tục và suốt đời để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng những kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật làm cơ sở đào tạo chuyên ngành Hộ sinh.

- Có kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, y học cơ sở, đạo đức y học và kiến thức chuyên ngành để có thể ứng dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Có kiến thức về nghiên cứu khoa học và quản lý nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc trong thực hành nghề nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Có khả năng tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa phù hợp với phạm vi chuyên môn, hướng dẫn quốc gia, đạo đức nghề nghiệp và bối cảnh văn hóa - xã hội.

- Có năng lực nghiên cứu khoa học, khám phá kiến thức và thực hành chăm sóc sức khỏe đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng.

- Giao tiếp hiệu quả, có kỹ năng ra quyết định, làm việc nhóm và làm việc độc lập trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Có các kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin, kỹ năng quản lý trong thực hành nghề nghiệp.

- Có năng lực ngoại ngữ để phục vụ trong giao tiếp, hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

1.2.3. Thái độ:

- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với các quyết định lâm sàng cũng như những kết quả liên quan trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp thực hành, học tập liên tục và suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng:

2.1. Kiến thức

PLO1: Áp dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Các chính sách, pháp luật vào thực hành Hộ sinh.

PLO2: Tích lũy được những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nói chung và chăm sóc sức khỏe sinh sản nói riêng qua các học phần giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành để thực hành nghề nghiệp và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO3: Vận dụng được những kiến thức về phương pháp luận khoa học và quản lý ngành để nâng cao chất lượng chăm sóc trong thực hành nghề nghiệp.

2.2. Kỹ năng

PLO4: Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ đảm bảo an toàn, hiệu quả, liên tục.

PLO5: Xây dựng được chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, nâng cao sức khỏe gia đình, hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình.

PLO6: Nhận ra các vấn đề sức khỏe và yếu tố nguy cơ, đưa ra quyết định chăm sóc dựa trên nhận định, phân tích, tổng hợp về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Báo cáo kịp thời những diễn biến bất thường cho bác sĩ điều trị hoặc người phụ trách.

PLO7: Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, thực hành chuyên môn dựa trên bằng chứng để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

PLO8: Vận dụng các kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp và cộng đồng. Thích nghi với môi trường làm việc thực tế đa dạng, luôn thay đổi và nhiều thử thách.

PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin hiệu quả trong các hoạt động hành chính chuyên môn, quản lý và chăm sóc người bệnh.

PLO10: Vận dụng tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản, hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm với các quyết định lâm sàng trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn nghề nghiệp, quy định pháp luật và đạo đức y học.

PLO12: Tự đánh giá và chủ động tiếp thu các nguồn thông tin phản hồi về công việc của bản thân để xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập chuyên môn.

3. Chuẩn đầu vào, đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc trình độ văn hoá tương đương theo quy định hiện hành.

- Hình thức tổ chức tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Trường tại thời điểm tuyển sinh.

- Thời gian tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chính sách ưu tiên: tuyển thẳng; xét tuyển; ưu tiên diện chính sách và khu vực theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Trường.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ theo quy định hiện hành.

4. Cách thức tổ chức

Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết, thực hành và thực tập lâm sàng/cộng đồng tại các cơ sở thực hành và thực địa, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- + Lý thuyết: học tại giảng đường – Trường Đại học Y Hà Nội.

- + Thực hành: tại các phòng thực hành, labo – Trường Đại học Y Hà Nội.

- + Thực tập nghề nghiệp: tại cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Hà Nội.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện đào tạo và xét tốt nghiệp theo Thông tư số 08/TT- BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quyết định ban hành quy chế

đào tạo trình độ đại học, Quyết định 3843/QĐ-ĐHYHN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y Hà Nội được sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 5225/QĐ-ĐHYHN ngày 27/10/2023 của Trường Đại học Y Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần: cách đánh giá và lượng giá học phần được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường. Cụ thể việc đánh giá chi tiết từng học phần được nêu trong đề cương chi tiết học phần.

7. Khung chương trình đào tạo

Chương trình được cấu trúc hợp lý, linh hoạt gồm 138,5 tín chỉ (TC), trong đó có 132 tín chỉ bắt buộc và 6,5 tín chỉ tự chọn (trong tổng số 9 tín chỉ). Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Sau khi tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo, sinh viên tham gia kỳ thi tay nghề, thi lý thuyết hoặc làm khóa luận và thực hành.

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
I	Kiến thức giáo dục đại cương	32,5
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	
1	Kiến thức cơ sở ngành	43
2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	46
3	Kiến thức tự chọn	6
III	Thực tế và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề lâm sàng	11
Tổng cộng		138,5

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 32,5 tín chỉ (26 LT – 6,5 TH)

TT	Tên học phần/module	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
1	Nhóm các môn lý luận chính trị (BSC-14.1 đến BSC-14.5)	11	11	0
2	Ngoại ngữ (BSC-11.1 đến BSC-11.3)	7	7	0
3	Tin học cơ bản (BSC-12)	2	1	1
4	Giáo dục thể chất (BSC-13.1 đến BSC-13.3)	4	1	3
5	Giáo dục Quốc phòng – An ninh (BSC-10)	8,5	6	2,5

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ (48 LT – 47 TH)

TT	Tên học phần/module	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
I. Kiến thức cơ sở ngành		43	27	16
1	Module 1: Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4	4	0
2	Module 2.1: Nguyên tử, phân tử, tế bào	4	3	1
3	Module 2.2: Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của hoạt động sống	5	4,5	0,5
4	Module 2.3: Một số vấn đề cơ sở	2	1,5	0,5
5	Module 3: Nghiên cứu khoa học	3	2	1
6	Module 4.1: Giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh	5	4	1
7	Module 4.2: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 1	5	2	3
8	Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 2	5	2	3

TT	Tên học phần/module	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
9	Module 5.1: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa	4	2	2
10	Module 5.2: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	3	1	2
11	Module 5.3: Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	1	2
II. Kiến thức ngành và chuyên ngành		46	19	27
1	Module 6.1: Chăm sóc thai kỳ	7	3	4
2	Module 6.2: Chăm sóc chuyển dạ và đẻ	9	3	6
3	Module 6.3: Chăm sóc sau sinh	7	3	4
4	Module 6.4: Chăm sóc trẻ sơ sinh	3	1	2
5	Module 6.5: Chăm sóc sức khỏe sinh sản và các giai đoạn cuộc đời	3	1	2
6	Module 6.6: Chăm sóc tích cực trong sản phụ khoa	4	2	2
7	Module 7.1: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3	1	2
8	Module 7.2: Dinh dưỡng trong sản khoa	2	2	0
9	Module 7.3: Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	3	1	2
10	Module 7.4: Phục hồi chức năng trong sản phụ khoa	3	1	2
11	Module 7.5: Quản lý hộ sinh, liên chuyên khoa	2	1	1
III. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)		6	2	4
1	Module 8.1: Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền	3	1	2
2	Module 8.2: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/nghiện	3	1	2
3	Module 8.3: Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	3	1	2

TT	Tên học phần/module	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
4	Module 8.4: Chương trình trao đổi Điều dưỡng - Hộ sinh xuyên văn hóa và quốc tế	3	1	2

7.3. Thực tế và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề lâm sàng: 11 tín chỉ (6 LT + 5 TH)

TT	Tên học phần/module	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
1	Module 9: Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng	6	6	0
2	Module 10: Thực tế tốt nghiệp	5	0	5

8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

8.1. Nhóm các môn lý luận chính trị (BSC - 14.1 đến BSC- 14.5) 11TC

8.1.1. Triết học Mác - Lênin 3TC

Môn học Triết học Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Triết học Mác-Lênin một cách có hệ thống, sự phát triển của triết học trong lịch sử và vai trò của nó trong đời sống ngày nay. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn cung cấp cơ sở về thế giới quan, phương pháp luận khoa học để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành.

8.1.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2TC

Môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng CSVN. Cung cấp cho người học những tri thức kinh tế chính trị về PTSX TBCN và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Phát huy những giá trị bền vững của Kinh tế chính trị Mác - Lênin đồng thời nâng cao tính thiết thực đối với việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia

hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tại nhà trường

8.1.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học một cách có hệ thống về sự ra đời các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn tạo điều kiện để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành.

8.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, nền tảng về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó tập trung vào các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân của người học trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Giúp sinh viên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước

8.1.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của ĐCSVN và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở những kiến thức đã học, sinh viên có thể vận dụng vào công việc và cuộc sống thường ngày, đặc biệt là việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

8.2. Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

7TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp, từ vựng về các khía cạnh trong cuộc sống, cũng như hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học. Ngoài ra tiếng Anh chuyên ngành Hộ sinh còn giúp sinh viên tham khảo tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để nâng cao trình độ, có thể sử dụng tiếng Anh với những mục đích khác nhau sau khi ra trường.

8.3. Tin học cơ bản

2TC

Học phần nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin và kỹ năng thực hành tổng hợp về sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng internet cơ bản.

Người học hoàn thành Học phần Tin học Đại cương có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Bộ Thông tin và Truyền thông.

8.4. Giáo dục thể chất (BSC-13.1 đến BSC-13.3)

3TC

Nội dung học phần được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học

8.5. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (BSC-10)

8,5TC

Nội dung học phần được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Môn học gồm 3 học phần. Trong đó có 2 học phần lý thuyết được giảng dạy theo phương pháp thuyết trình, giảng giải, lượng giá bằng hình thức tự luận. Học phần 3 thực hành giảng dạy theo phương pháp làm mẫu trực quan, thi hết học phần bằng hình thức thi bắn đạn thật súng thể thao. Sau khi kết thúc môn học sinh viên hiểu rõ hơn đường lối quân sự của Đảng góp phần tích cực vào công cuộc đổi.

8.6. Module 1: Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề (HSC-1)

4TC

Cung cấp kiến thức nền tảng cơ bản của ngành hộ sinh cho sinh viên. Nội dung module gồm các kiến thức về học thuyết hộ sinh; Đạo đức nghề nghiệp, Các chuẩn thực hành hộ sinh; vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hộ sinh, định hướng phát triển ngành hộ sinh. Sinh viên được cung cấp kiến thức hệ thống tổ chức y tế Việt Nam; những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật về y tế. Trên cơ sở các nội dung trên, sẽ giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học và nhận thức được trách nhiệm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp. Hình thành và rèn luyện kỹ năng làm việc theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

8.7. Module 2.1: Nguyên tử, phân tử, tế bào

4TC

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về hóa học ứng dụng trong y học, nghiên cứu thành phần hóa học cấu tạo nên tế bào, cơ thể sống và sự chuyển hóa biến đổi của chúng trong tế bào, các cơ quan và trong cơ thể sống. Hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung. Tiếp cận một số xét nghiệm Hóa sinh ứng dụng trên lâm sàng và giải thích được ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm đó. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các tế bào, phân tử, mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, với cơ thể, với môi trường, một số qui luật di truyền. Vận dụng được những kiến thức cơ bản Sinh học di truyền để giải thích bản chất, cơ chế một số hiện tượng y học và áp dụng vào việc học tập các môn lâm sàng.

8.8. Module 2.2: Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của hoạt động sống

5TC

Trong module này sinh viên sẽ được học về khảo sát các hiện tượng và quá trình sinh học bằng các kiến thức vật lý, nghiên cứu các tác nhân vật lý ảnh hưởng lên hoạt động của cơ thể sống và một số phương pháp vật lý được ứng dụng trong chẩn đoán điều trị và bảo vệ môi trường. Sinh viên cũng sẽ được học các kiến thức về giải phẫu để nắm được vị trí, kích thước, cấu tạo, liên quan... của các cơ quan, bộ phận của cơ thể người. Module này cũng có các nội dung của môn sinh lý và miễn dịch đại cương liên quan đến chức năng, các hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của tế bào và các

hệ thống cơ quan trong cơ thể. Ngoài ra, các nội dung mô tả cấu trúc vì thể của các mô, các bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể người bình thường, mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan được cung cấp ở môn mô phôi và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

8.9. Module 2.3: Một số vấn đề cơ sở

2TC

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Sinh viên sẽ nhận thấy được tầm quan trọng của sự thực hành có hiệu quả trong kiểm soát nhiễm khuẩn đối với hoạt động lâm sàng.

8.10. Module 3: Nghiên cứu khoa học

3TC

Module tích hợp nội dung các học phần:

- Dịch tễ học
- Thống kê y sinh học
- Phương pháp nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng

Module trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học. Giúp tăng cường khả năng thực hành dựa vào bằng chứng và khuyến khích hộ sinh tham gia chủ động vào phát triển kiến thức hộ sinh.

8.11. Module 4.1: Giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh

5TC

Module tích hợp nội dung của các học phần:

- Tâm lý y học – đạo đức y học.
- Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp
- Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp

Cung cấp các kiến thức về những hiện tượng tâm lý cơ bản của con người; cơ chế tác động của yếu tố tâm lý đến sức khỏe; phản ứng tâm lý thường gặp ở con người trong trạng thái bệnh lý và các yếu tố ảnh hưởng tới mối quan hệ giao tiếp giữa người Hộ sinh với sản phụ và gia đình sản phụ. Hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để phát triển

các mối quan hệ giao tiếp. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, kỹ năng giáo dục sức khỏe cũng như vai trò của người Hộ sinh trong việc nâng cao sức khỏe sinh sản của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Phát triển kỹ năng truyền thông, duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả.

8.12. Module 4.2: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 1

5TC

Module cung cấp kiến thức và kỹ năng chăm sóc cơ bản cho sinh viên trước khi tiếp cận với người bệnh ở các module học tập tiếp theo. Nội dung module gồm các kiến thức, kỹ năng về giao tiếp với người bệnh và đồng nghiệp; lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh; thực hành dựa vào bằng chứng; thăm khám tổng quát; kiểm tra dấu hiệu sinh tồn; các tư thế trị liệu và vận chuyển bệnh nhân an toàn, đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về phòng ngừa chuẩn để giữ an toàn cho người bệnh và tự bảo vệ bản thân trong môi trường lâm sàng.

8.13. Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 2

5TC

Module cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản cho sinh viên. Nội dung module gồm các kiến thức về vị trí, hình thái, chức năng các cơ quan của đường hô hấp trên, đường tiêu hóa, đường tiết niệu; dược lý đại cương; các kỹ thuật hộ sinh cơ bản; sơ cứu một số tai nạn và chấn thương thường gặp. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về giữ an toàn cho người bệnh và tự bảo vệ bản thân trong môi trường lâm sàng. Sinh viên có cơ hội phát triển kỹ năng tư duy thấu đáo trong thực hành chăm sóc. Họ có thể thể hiện được vai trò, chức năng phụ thuộc, chức năng phối hợp và chức năng chủ động khi thực hiện chăm sóc người bệnh phụ thuộc vào các can thiệp y tế. Sinh viên cũng sẽ cần đưa ra các quyết định về đánh giá, chăm sóc và quản lý những người bệnh đòi hỏi phương pháp điều trị cụ thể phụ thuộc vào việc sử dụng trang thiết bị và/hoặc dụng cụ y tế. Sinh viên được học những vấn đề cụ thể để họ phát triển kỹ năng ra quyết định chăm sóc.

8.14. Module 5.1: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa

4TC

Trang bị những kiến thức và kỹ năng về chăm sóc người bệnh mắc các bệnh Nội khoa thường gặp, đặc biệt chú trọng tới các bệnh lý nội khoa thuộc hệ nội tiết, tim mạch,

tiết niệu. Sinh viên sẽ có cơ hội nâng cao kiến thức về khám thực thể và kỹ năng giải quyết vấn đề tại các cơ sở điều trị người bệnh nội khoa.

8.15. Module 5.2: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa

3TC

Trang bị những kiến thức và kỹ năng về chăm sóc người bệnh mắc các bệnh Ngoại khoa thường gặp, đặc biệt chú trọng tới các bệnh lý ngoại khoa về chấn thương, tiêu hóa, tiết niệu. Sinh viên sẽ có cơ hội nâng cao kiến thức về khám thực thể và kỹ năng giải quyết vấn đề tại các cơ sở điều trị người bệnh ngoại khoa. Đồng thời, giúp sinh viên có khả năng duy trì môi trường an toàn cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.

8.16. Module 5.3: Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm

3TC

Môn học giới thiệu tổng quan về các bệnh nhiễm trùng phổ biến, những tác nhân gây ra nhiễm trùng và giới thiệu nguyên tắc chăm sóc cơ bản dựa trên đường truyền bệnh phổ biến ở người. Từ đó, trang bị cho sinh viên những kiến thức về các đường lây truyền, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, yếu tố dịch tễ, cách chăm sóc, phòng bệnh, tư vấn và theo dõi người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm.

8.17. Module 6.1: Chăm sóc thai kỳ

7TC

Module giúp phát triển hiểu biết của người hộ sinh về những thay đổi sinh lý xảy ra trong quá trình thai nghén và ứng dụng những nguyên tắc của tâm lý học và giao tiếp trong chăm sóc sức khỏe thai phụ. Mở rộng kiến thức về phát triển mô học và phôi thai học. Làm vững chắc thêm kiến thức về chăm sóc sức khỏe trước sinh bao gồm chẩn đoán, theo dõi và giáo dục.

Module cũng giúp người Hộ sinh nhận ra sự khác biệt của một thai kỳ bất thường so với thai nghén thông thường. Nhằm cung cấp chăm sóc an toàn, hiệu quả, lấy bà mẹ làm trung tâm trong các tình huống phức tạp. Đảm bảo bà mẹ được chuyển tuyến thích hợp nhằm tối ưu sức khỏe cho cả bà mẹ và trẻ sơ sinh.

8.18. Module 6.2: Chăm sóc chuyển dạ và đẻ

9TC

Module giúp phát triển hiểu biết của người Hộ sinh về chuyển dạ đẻ thường, lập kế hoạch đánh giá và chăm sóc chuyển dạ của người Hộ sinh và bác sĩ trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Giới thiệu về thủ thuật mổ lấy thai, cắt tầng sinh môn, đỡ đẻ can

thiệt bằng Foc-xếp hay giác hút và gây tê ngoài màng cứng... Trang bị kỹ năng cho người hộ sinh về nhận định, theo dõi, quản lý chuyển dạ và đẻ thường.

Module cũng chuẩn bị cho người hộ sinh nhận ra được những bất thường và chuẩn bị chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ có bất thường trong quá trình chuyển dạ. Chú trọng và hiểu biết về dấu hiệu và triệu chứng của đẻ khó; những biến chứng khác để can thiệp kịp thời, hội chẩn liên khoa và chuyển tuyến thích hợp.

8.19. Module 6.3: Chăm sóc sau sinh

7TC

Module giúp phát triển hiểu biết của người hộ sinh về những thay đổi sinh lý và sự hồi phục của cơ thể sau sinh: sự tiết sữa và đánh giá bà mẹ hậu sản bao gồm co hồi tử cung, chiều cao tử cung, tình trạng chảy máu. Đồng thời trang bị kỹ năng chăm sóc trẻ sơ sinh khỏe mạnh bình thường bao gồm: bú mẹ, tắm rửa, đánh giá trẻ cũng được đề cập tới.

Module cũng được thiết kế để người hộ sinh có khả năng nhận định và xử trí các biến chứng sản khoa và chỉ định cần phải thực hiện trong các tình huống cấp cứu.

8.20. Module 6.4: Chăm sóc trẻ sơ sinh

3TC

Module giúp cho sinh viên có khả năng phát triển các kỹ năng chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường. Nghiên cứu các lĩnh vực cần quan tâm khi chăm sóc trẻ mới sinh và phát hiện các bất thường; chăm sóc trẻ sơ sinh gặp khó khăn với những chức năng bình thường như thở và bú. Can thiệp cấp cứu và chuyển tuyến cũng được đề cập tới trong module này.

8.21. Module 6.5: Chăm sóc sức khỏe sinh sản và các giai đoạn cuộc đời

3TC

Module giúp phát triển hiểu biết của người hộ sinh về chăm sóc sức khỏe sinh sản trong cộng đồng và suốt quãng đời. Bao gồm sức khỏe phụ nữ từ khi bắt đầu có kinh nguyệt cho đến khi mãn kinh và những hiểu biết về sức khỏe giới tính nam giới, hoạt động sinh sản của con người và ảnh hưởng của văn hóa. Hỗ trợ khả năng của Hộ sinh trong thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản từ khi sinh ra đến khi già yếu bằng nhiều cách nhạy cảm và tùy theo văn hóa.

8.22. Module 6.6: Chăm sóc tích cực trong sản phụ khoa

4TC

Module giúp trang bị khả năng chăm sóc cho sản phụ trong tình trạng đe dọa tính mạng cần hồi sức tích cực. Cung cấp kiến thức giúp hộ sinh nhanh chóng đánh giá tình trạng người bệnh, đưa ra các can thiệp/quyết định lâm sàng nhằm giảm thiểu nguy cơ tử vong. Ngoài ra học phần còn tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm kỹ năng lãnh đạo, phối hợp làm việc nhóm trong tình huống cấp cứu người bệnh nguy kịch. Module cũng đề cập tới vấn đề đạo đức, hạn chế trong giao tiếp với gia đình khi người bệnh đang được điều trị tại các đơn vị hồi sức cấp cứu.

8.23. Module 7.1: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

3TC

Module nghiên cứu về dân số và nhân khẩu học của Việt nam. Những biện pháp tránh thai được xây dựng dựa trên cơ sở sinh lý sinh sản đã được dạy trong các môn học trước đó; Đề cập đến sử dụng những biện pháp tránh thai cho tất cả các nhóm tuổi và thực hiện tư vấn sức khỏe.

8.24. Module 7.2: Dinh dưỡng trong sản khoa

2TC

Module cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học dinh dưỡng lâm sàng phục vụ trong điều trị và chăm sóc sức khỏe người bệnh bao gồm: Sàng lọc/ đánh giá tình trạng dinh dưỡng, các phương pháp nuôi dưỡng người bệnh, quy trình chăm sóc dinh dưỡng, tư vấn dinh dưỡng, xây dựng thực đơn... và ứng dụng trong chăm sóc sản khoa.

8.25. Module 7.3: Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng

3TC

Học phần xây dựng dựa trên kiến thức của nữ hộ sinh về sức khỏe sinh sản với mục tiêu tăng cường vai trò của người hộ sinh trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tập trung chủ yếu vào bối cảnh bên ngoài bệnh viện nơi mà người hộ sinh hành nghề, bao gồm việc cung cấp hội chẩn và chuyển tuyến phù hợp đến nơi có đủ các điều kiện cần thiết đối với tình trạng của bà mẹ và đứa trẻ để thực hiện công tác can thiệp hoặc vận chuyển.

8.26. Module 7.4: Phục hồi chức năng trong sản phụ khoa

3TC

Môn học tập trung nhấn mạnh vào vai trò và trách nhiệm của hộ sinh khi chăm sóc người bệnh nặng hoặc tàn tật ảnh hưởng tới hoạt động sinh hoạt hàng ngày và chất lượng cuộc sống. Trang bị những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng và áp dụng một số kỹ thuật phục hồi chức năng trong hoạt động chăm sóc sản khoa.

8.27. Module 7.5: Quản lý hộ sinh, liên chuyên khoa

2TC

Module giới thiệu vai trò của người hộ sinh trong việc cung cấp chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh trong bối cảnh của Việt Nam. Giải thích và phát triển tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm. Học phần được xây dựng dựa trên những quy định về luật pháp và đạo đức hành nghề. Nghiên cứu ảnh hưởng quốc tế đối với sự phát triển của ngành hộ sinh.

8.28. Module 8.1: Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền

3TC

Môn học trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức cơ bản về một số phương pháp chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em bằng thuốc nam, châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh

8.29. Module 8.2: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/nghiện

3TC

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chăm sóc người có HIV/nghiện. Từ đó có đủ tự tin thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đặc biệt là giới trẻ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/nghiện. Hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

8.30. Module 8.3: Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa

3TC

Môn học trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức cơ bản về một số bệnh ung thư phụ khoa thường gặp. Nhấn mạnh vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc, tư vấn sức khỏe người bệnh có ung thư phụ khoa.

8.31. Module 8.4: Chương trình trao đổi Điều dưỡng - Hộ sinh xuyên văn hóa và quốc tế

3TC

Học phần được thiết kế nhằm mục đích nâng cao khả năng tự học của sinh viên, tầm nhìn quốc tế, học tập chuyên môn chăm sóc hộ sinh và hiểu biết xuyên văn hóa để trau dồi tầm nhìn toàn cầu và hiểu biết về chăm sóc đa dạng theo văn hóa tại một số nước trong khu vực và trên thế giới. Khóa học cũng sẽ dạy sinh viên quốc tế về văn hóa của nước sở tại và phát triển chuyên môn về quản lý hộ sinh trong tương lai.

8.32. Module 9: Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng

6TC

Khóa luận tốt nghiệp: Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp về một chủ đề trong lĩnh vực đào tạo thông qua việc thực hiện một đề tài nghiên cứu dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên. Môn học này áp dụng với những sinh viên có điểm trung bình học tập đạt tiêu chuẩn của Nhà trường và mong muốn thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Chuyên đề lâm sàng: Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp về một chủ đề trong lĩnh vực đào tạo. Thông qua việc tự học tập, tìm tài liệu tham khảo, học hỏi kỹ năng đọc và phân tích, đánh giá, trình bày báo cáo về các tình huống thực hành nghề hoặc các bài báo khoa học dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên. Môn học này áp dụng với những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận/ không muốn thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

8.33. Module 10: Thực tế tốt nghiệp

5TC

Đợt thực tế tốt nghiệp được tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp. Giúp cho sinh viên tích lũy và hoàn thiện được các năng lực cần thiết của người hộ sinh trong thực hành nghề Hộ sinh trước khi tốt nghiệp ra trường công tác, đạt chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam. Tạo điều kiện để sinh viên có trải nghiệm thực tế về công việc của một hộ sinh viên thực thụ và chuẩn bị tâm lý trước khi bước vào hành nghề hộ sinh sau này.

Kỳ 1 Kỳ 2 Kỳ 3 Kỳ 4 Kỳ 5 Kỳ 6 Kỳ 7 Kỳ 8

15 (20) 15 (20) 10 (18,5) 16 (18) 13 (17) 12 (16) 12 (16) 13

Module 1: Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề 4/4/0 (4TC)	Module 4.1: Giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh 4/1/0 (5TC)	Module 5.1: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa 2/0,5/1,5 (4TC)	Module 6.1: Chăm sóc thai kỳ 3/1/3 (7TC)	Module 6.3: Chăm sóc sau sinh 3/1/3 (7TC)	Module 6.6: Chăm sóc tích cực trong sản phụ khoa 2/0/2 (4TC)	Module 3: Nghiên cứu khoa học 2/1/0 (3TC)	Module 7.5: Quản lý hộ sinh, liên chuyên khoa 1/0/1 (2TC)
Module 2.1: Nguyên tử, phân tử, tế bào 3/1/0 (4TC)	Module 4.2: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 1 2/2/1 (5TC)	Module 5.2: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa 1/0,5/1,5 (3TC)	Module 6.2: Chăm sóc chuyển dạ và đẻ 3/1/5 (9TC)	Module 6.4: Chăm sóc trẻ sơ sinh 1/0,5/1,5 (3TC)	Module 7.1: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình 1/1/1 (3TC)	Module 7.4: PHCN trong sản phụ khoa 1/0/2 (3TC)	Module 9: Khóa luận TN/Chuyên đề lâm sàng 6/0/0 (6TC)
Module 2.2: Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của hoạt động sống 4,5/0,5/0 (5TC)	Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 2 2/1,5/1,5 (5TC)	Module 5.3: CSSK người bệnh truyền nhiễm 1/0/2 (3TC)		Module 6.5: CSSK sinh sản và các giai đoạn cuộc đời 1/0/2 (3TC)	Module 7.2: Dinh dưỡng trong sản khoa 2/0/0 (2TC)	KT Tự chọn (6TC- SV chọn 2 module): * Module 8.1: CSSK bằng Y học cổ truyền 1/0/2 (3TC) * Module 8.2: CSSK khỏe phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/nghiện 1/0/2 (3TC) * Module 8.3: CS người bệnh ung thư phụ khoa 1/0/2 (3TC) * Module 8.4: Chương trình trao đổi hộ sinh xuyên văn hóa và quốc tế	Module 10: Thực tế tốt nghiệp 0/0/5 (5TC)
Module 2.3: Một số vấn đề cơ sở 1,5/0,5/0 (2TC)					Module 7.3: Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng 1/0/2 (3TC)		
BSC-13.1: Giáo dục thể chất 1+2 0/2/0 (2TC)	BSC-11.1: Ngoại ngữ 1 3/0/0 (3 TC)	BSC-10: Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4 6/2,5/0 (8,5 TC)	BSC-13.2: Giáo dục thể chất 3 0/1/0 (1TC)	BSC-11.2: Ngoại ngữ 2 2/0/0 (2TC)	BSC-11.3: Ngoại ngữ 3 2/0/0 (2TC)	BSC-14.4: Tư tưởng HCM 2/0/0 (2TC)	
BSC-14.1: Triết học Mác-Lênin 3/0/0 (3TC)	BSC-12: Tin học cơ bản 1/1/0 (2TC)		BSC-13.3: Y học thể thao 1/0/0 (1TC)	BSC-14.2: Kinh tế chính trị Mác-Lênin 2/0/0 (2TC)	BSC-14.3: CNXH khoa học 2/0/0 (2TC)	BSC-14.5: Lịch sử Đảng cộng sản VN 2/0/0 (2TC)	

Kiến thức giáo dục đại cương (32,5 TC) Kiến thức cơ sở ngành (43 TC) Kiến thức chuyên ngành (63 TC) Tổng cộng: 138,5 TC

1 TC = 15 giờ LT = 30 giờ Lab = 45 giờ LS

10. Kế hoạch giảng dạy và đơn vị phụ trách xây dựng/giảng dạy học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần/module	Phân bố tín chỉ				Đơn vị phụ trách
			LT	TLS	Lâm sàng	Tổng	
Năm thứ nhất							
1	HSC-1	Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4	0	0	4	- Khoa ĐD-HS - BM Y đức và tâm lý y học - BM TCQLYT
2	HSC-2.1	Nguyên tử, phân tử, tế bào	3	3	0	4	- BM Hoá - BM Hoá sinh - BM Y Sinh học di truyền
3	HSC-2.2	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của hoạt động sống	4,5	0,5	0	5	- BM Y vật lý - BM Giải phẫu - BM Sinh lý học - BM SLB - miễn dịch - BM Mô phôi
4	HSC-2.3	Một số vấn đề cơ sở	1,5	0,5	0	2	- BM Vi sinh - BM Ký sinh trùng - Khoa ĐD - HS
5	HSC-4.1	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh	4	1	0	5	- Khoa ĐD - HS - BM Y đức và tâm lý y học
6	HSC-4.2	Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 1	2	2	1	5	- Khoa ĐD – HS - BM Sinh lý học
7	HSC-4.3	Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 2	2	1,5	1,5	5	- Khoa ĐD – HS - BM Giải phẫu - BM Sinh lý học - BM Dược lý - BM Dinh dưỡng
8	BSC-11.1	Ngoại ngữ 1	3	0	0	3	BM Ngoại ngữ
9	BSC-13.1	Giáo dục thể chất 1+2	0	2	0	2	BM Giáo dục thể chất
10	BSC-12	Tin học đại cương	1	1	0	2	BM Toán tin
11	BSC-14.1	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	BM Lý luận chính trị
Năm thứ hai							
12	HSC-5.1	Module 5.1: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội khoa	2	0,5	1,5	4	- Khoa ĐD-HS - BM Nội

13	HSC-5.2	Module 5.2: Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	1	0,5	1,5	3	- Khoa ĐD-HS - BM Ngoại
14	HSC5.3	Module 5.3: CSSK người bệnh truyền nhiễm	1	0	2	3	- Khoa ĐD-HS - BM truyền nhiễm
15	MID-6.1	Module 6.1: Chăm sóc thai kỳ	3	1	3	7	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản
16	MID-6.2	Module 6.2: Chăm sóc chuyển dạ và đẻ	3	1	5	9	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản
17	BSC-10	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6	2,5	0	8,5	BM Giáo dục quốc phòng
18	BSC-13.2	Giáo dục thể chất 3	0	1	0	1	BM Giáo dục thể chất
19	BSC-13.3	Y học thể thao	1	0	0	1	BM Giáo dục thể chất
Năm thứ ba							
20	MID-6.3	Module 6.3: Chăm sóc sau sinh	2	1	4	7	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản
21	MID-6.4	Module 6.4: Chăm sóc trẻ sơ sinh	1	0,5	1,5	3	- Khoa ĐD-HS - BM Nhi - BM Phụ sản
22	MID-6.5	Module 6.5: CSSK sinh sản và các giai đoạn cuộc đời	1	0	2	3	- BM Phụ sản - BM dân số
23	MID-6.6	Module 6.6: Chăm sóc tích cực trong sản phụ khoa	2	0	2	4	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản - BM Hồi sức tích cực
24	MID-7.1	Module 7.1: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	1	1	1	3	- BM dân số - BM Phụ sản
25	MID-7.2	Module 7.2: Dinh dưỡng trong sản khoa	2	0	0	2	BM Dinh dưỡng và ATTP
26	MID-7.3	Module 7.3 Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	1	0	2	3	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản
27	BSC-11.2	Ngoại ngữ 2	2	0	0	2	BM Ngoại ngữ
28	BSC-11.3	Ngoại ngữ 3	2	0	0	2	BM Ngoại ngữ
29	BSC-14.2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	0	2	BM Lý luận chính trị

30	BSC-14.3	CNXH khoa học	2	0	0	2	BM Lý luận chính trị
Năm thứ tư							
31	HSC-3	Module 3: Nghiên cứu khoa học	2	1	0	3	Viện YHDP&YTCC
32	MID-7.4	Module 7.4: PHCN trong sản phụ khoa	1	0	2	3	- Khoa ĐD-HS - BM PHCN
33	MID-7.5	Module 7.5: Quản lý hộ sinh, liên chuyên khoa	1	0	1	2	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản
34	BSC-14.5	Tư tưởng HCM	2	0	0	2	BM Lý luận chính trị
35	BSC-14.5	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	0	0	2	BM Lý luận chính trị
Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 3 module)							
36	MID-8.1	Module 8.1: Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền	1	0	2	3	Khoa Y học cổ truyền
37	MID-8.2	Module 8.2: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/nghiện	1	0	2	3	- BM Phụ sản - BM Truyền nhiễm
38	MID-8.3	Module 8.3: Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	1	0	2	3	- BM Phụ sản - BM Ung thư
39	MID-8.4	Module 8.4: Chương trình trao đổi Điều dưỡng - Hộ sinh xuyên văn hóa và quốc tế	1	0	2	3	Khoa ĐD-HS
Tốt nghiệp							
40	MID-9	Module 9: Khóa luận TN/Chuyên đề lâm sàng	6	0	0	6	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản
41	MID-10	Module 10: Thực tế tốt nghiệp	0	0	5	5	- Khoa ĐD-HS - BM Phụ sản

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Nội dung các hoạt động trong khoá đào tạo Cử nhân Hộ sinh bao gồm: học lý thuyết và thực tập tại cơ sở thực tập của Đại học Y Hà Nội, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc thực hiện học phần tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp.

- Chương trình gồm có 138,5 tín chỉ (bao gồm cả học phần Giáo dục An ninh - Quốc phòng và Giáo dục thể chất), mỗi học phần đã được xác định số tín chỉ (bao gồm cả lý thuyết và thực hành) trong đó 1 tín chỉ được quy định cụ thể trong quy định đào tạo hệ chính quy của Trường: lý thuyết tương đương 15 tiết; thực hành/tiền lâm sàng tương đương 30 tiết; thực hành tại bệnh viện/cộng đồng tương đương 45 tiết. Chương trình chi tiết mỗi học phần (bản mô tả học phần) bao gồm: Mô tả học phần; Mục tiêu; Nội dung; Hướng dẫn thực hiện học phần; Phương pháp giảng dạy; Phương pháp lượng giá; Tài liệu tham khảo và thông tin giảng viên.

- Nội dung các học phần đề cập đến tên các bài học, số giờ từng bài đủ 100% tổng số giờ tín chỉ của học phần.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Hộ sinh thể hiện mục tiêu, quy định về nội dung, yêu cầu định mức khối lượng kiến thức và kỹ năng, thời gian đào tạo ngành.

- Việc triển khai chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường xây dựng và ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy.

11.1. Chương trình khung đào tạo

Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khoá học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

11.2. Thực tập, thực tế cộng đồng

11.2.1. Thực tập phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trung tâm tiền lâm sàng

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng thực hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Sinh viên được thực hành các kỹ thuật chăm sóc trên mô hình, tình huống mô phỏng tại trung tâm tiền lâm sàng dưới sự hướng dẫn và đánh giá của giảng viên. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, Nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

11.2.2. Thực hành bệnh viện

Sinh viên được thực hành bệnh viện, tham gia chăm sóc, theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc, quản lý khoa, buồng bệnh, làm các kỹ thuật chăm sóc dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên nhà Trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của trường

11.2.3. Thực tập cộng đồng

Được bố trí lồng ghép vào môn học chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng sau khi đã hoàn thiện các môn học chuyên ngành liên quan. Sinh viên được thực tập tại một số trạm y tế, xã phường, cụm dân cư tại địa bàn trường.

11.3. Phương pháp dạy học

- Tăng cường phương pháp dạy học qua mạng (tối đa 30% toàn chương trình theo quy định hiện hành về đào tạo qua mạng) và áp dụng các phương pháp dạy theo chương trình đổi mới đào tạo hiện nay.

- Đảm bảo đủ sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu tham khảo cho sinh viên.

- Khuyến khích bổ sung thêm thời gian tự học và nghiên cứu, có hướng dẫn bởi giảng viên/ hướng dẫn tự học, nghiên cứu và định hướng học tập/nghiên cứu.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thực hành bằng cách phân công giảng viên kết hợp theo dõi giám sát các hoạt động của sinh viên để tăng cường trong giám sát đánh giá quá trình học tập.

- Các phương pháp giảng dạy

Lý thuyết

- LEC (Lecture): là phương pháp thuyết trình
- SEM (Semina): Là phương pháp dạy học dựa trên thảo luận nhóm, trình bày nhóm
- TBL (Team Based Learning): Phương pháp dạy học theo nhóm

Thực hành

- SKL (Skill Lab): Phương pháp dạy học tiền lâm sàng tại Skills lab

- ROL (Role Play): Phương pháp dạy học đóng vai
- LAB: Phương pháp dạy trong phòng LAB
- Checklist: Phương pháp dạy học theo bảng kiểm

Lâm sàng

- CBA (Case Based analysis): Phương pháp dạy học phân tích tình huống dựa trên ca bệnh, không có bệnh nhân (Bình bệnh án, giao ban khoa, hội chẩn, tham gia ca mổ...)
- VIS (Clinical/labor visit): Phương pháp quan sát lâm sàng/Labo
- CSP (Clinical session with patient): Phương pháp dạy học lâm sàng có người bệnh, giảng bên giường bệnh
- OMP (One minute Preceptor) Phương pháp dạy học bên giường bệnh ca ngắn
- FS (Five steps) Phương pháp dạy-học bên giường bệnh ca dài

11.4. Đánh giá người học

Kiểm tra đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần theo Quy chế và các quy định hiện hành của Trường, cụ thể đối với các môn học/học phần thuộc khối kiến thức đại cương và các môn chung, kiến thức cơ sở, môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần thực hành, sau mỗi học phần sinh viên có ít nhất một điểm thi kết thúc học phần và được thể hiện cách thức đánh giá học phần cụ thể trong chương trình chi tiết môn học/học phần.

Đối với môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần thực hành, sau mỗi học phần sinh viên có một điểm thi kết thúc học phần.

Đối với các môn học/học phần có thực hành, phần lý thuyết (đánh giá như học phần chỉ có lý thuyết) và thực hành (đánh giá như học phần chỉ có thực hành) hoặc có tổng hợp từ hai đầu điểm theo tỷ lệ và được áp dụng quy định về tổ chức đào tạo hiện hành.

12. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

12.1. Các văn bản tài liệu vận dụng

Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Luật khám chữa bệnh.

Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quyết định 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của Giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025.

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, sửa đổi bổ sung theo Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định số 3473/QĐ-BYT ngày 28/12/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân hộ sinh”.

Quyết định số 659/QĐ-BYT ngày 25/02/2015 của Bộ Y tế về việc ban hành Điều kiện chuyên môn bảo đảm đào tạo Hộ sinh trình độ đại học, cao đẳng tại Việt Nam.

Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn “Kỹ năng cơ bản của người đỡ đẻ”.

Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn “Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”.

Công văn 769/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 20/4/2018 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, được thay thế theo công văn số 1669/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2019 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Công văn số 2435/BGDĐT – GDĐH ngày 14/4/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra và biên soạn giáo trình;

Quyết định 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

12.2. Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh tham khảo trong nước

12.2.1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2022)

https://ndun.edu.vn/bai_viet/1345/chuong-trinh-dao-cao-dai-hoc-dieu-duong-chinh-quy.html

12.2.2. Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2021)

https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/DaoTaoDaiHoc/ChuongTrinhDaoTao/4288_QDTS20_BanHanhChuongTrinhDaoTao_DHCQ_HoSin_h_12112020_codau.pdf

12.2.3. Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế (2020)

<https://huemed-univ.edu.vn/newsmultidata/files/dao-cao-dai-hoc/h%E1%BB%93%20s%C6%A1%20m%E1%BB%9F%20ng%C3%A0nh/2020%20-%20H%E1%BB%99%20sinh/CH%C6%AF%C6%A0NG-TR%C3%8CNH-%C4%90%C3%80O-T%E1%BA%A0O-NG%C3%80NH-H%E1%BB%98-SINH.pdf>

12.3.4. Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên (2022):

https://tump.edu.vn/uploads/media/files/Quy%202022/2842_Ban_hanh_Khuong_chuong_trinh_dao_tao_trinh_do_dai_hoc_he_chinh_quy_0001_20221230052456747740.pdf

12.3. Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh tham khảo nước ngoài

12.3.1. Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh của Trường Đại học Cardiff – Anh (2023)

<https://www.cardiff.ac.uk/study/undergraduate/courses/course/midwifery-bmid>

12.3.2. Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh của Trường Đại học Southern Cross – Úc (2023)

<https://www.scu.edu.au/study/courses/bachelor-of-midwifery-3007229/>

